

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-ST
Ngày 18 – 5 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2018/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim T; cư trú tại: Khóm A, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Chị Ngô Mỹ D; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).
2. Anh Nguyễn Đồng K; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2018, lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Trần Kim T thể hiện:*

Bà có tham gia dây hụi do chị Ngô Mỹ D và anh Nguyễn Đồng K làm đầu thảo khui vào ngày 12/10/2016 âm lịch, loại hụi ngày 20.000 đồng/chung, bà tham gia 10 chung, thời gian mãn hụi là 100 ngày, bà đã đóng 87 ngày được 17.400.000 đồng thì chị D, anh K đình hụi. Vào ngày 04/4/2017, chị D trả được 5.000.000 đồng và còn thiếu lại 12.400.000 đồng đến nay chưa trả. Do vậy, bà yêu cầu chị D và anh K trả lại số tiền hụi còn thiếu là 12.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T thừa nhận trước đây có thiếu 02 lần hụi chết bằng 400.000 đồng nên đồng ý đối trừ và yêu cầu trả số tiền còn lại là 12.000.000 đồng.

** Lời trình bày của bị đơn là chị Ngô Mỹ D tại phiên tòa thể hiện:* Chị thừa nhận lời trình bày của bà T về giao dịch hụi và số tiền còn thiếu là đúng. Chị đồng ý trả số tiền 12.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

** Đối với anh Nguyễn Đồng K:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng anh K không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Đồng K được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu anh K và chị D trả số tiền hụi là 12.000.000 đồng. Thấy rằng, việc bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T có tham gia dây hụi khui vào ngày 12/10/2016 âm lịch, loại 20.000 đồng/chung/ngày, thời gian là 100 ngày do chị D và anh K làm đầu thảo và đã đóng được tổng số tiền là 17.400.000 đồng. Sau khi đối chiếu, chị D có trả được 5.000.000 đồng, đối trừ số tiền hụi chết 400.000 đồng và còn thiếu lại 12.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, chị D thừa nhận khoản nợ hụi như bà T trình bày còn anh K không có ý kiến gì về yêu cầu của bà T và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án đối với vụ án này.

[4] Điều đó cho thấy, việc bà T xác định có tham gia dây hụi do chị D, anh K làm đầu thảo và các đương sự này còn thiếu bà T số tiền hụi 12.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa, chị D đồng ý trả số tiền 12.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T. Thấy rằng, việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

[6] Xét về nghĩa vụ trả nợ:

Mặc dù chị D thừa nhận khoản nợ và đồng ý trả theo yêu cầu của bà T nhưng anh K không có ý kiến về số nợ cũng như việc trả nợ và không tham gia hòa giải, xét xử. Tuy nhiên, hiện nay giữa chị D, anh K đang tồn tại một quan hệ hôn nhân, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên các đương sự này phải có trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ theo quy định tại các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do vậy, việc bà T yêu cầu chị D, anh K liên đới trả số tiền nợ 12.000.000 đồng là có căn nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị D, anh K phải chịu là 12.000.000 đồng x 5% x 75% = 450.000 đồng (chị D có đơn xin giảm án phí nên xét giảm 50% đối với án phí chị D phải nộp).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, họ, biểu, phường; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T. Buộc chị Ngô Mỹ D và anh Nguyễn Đồng K trả cho bà T số tiền nợ là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền thì hàng tháng chị D, anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị D và anh K phải chịu 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) (chưa nộp).

+ Bà T không phải chịu. Bà T đã nộp tạm ứng số tiền 310.000 đồng (ba trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009703 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn